

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 438/2023/DS-PT
Ngày: 17-8-2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 677/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Duy P, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Trần Văn T, sinh năm 1955 (có mặt);

2. Nguyễn Thị C, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T2, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Nguyên đơn anh Nguyễn Duy P trình bày:

Vào ngày 20/6/2022 âm lịch, anh có cho bà C và ông T mượn số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), hứa đến tháng 12/2022 âm lịch sẽ trả hết số tiền nêu trên nhưng bà C và ông T không thực hiện việc trả tiền như đã hứa; ông T, bà C có viết giấy nợ. Nay anh yêu cầu bà C và ông T trả số tiền 50.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà thống nhất số tiền thiếu anh P là 50.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, bà xin trả mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Quá trình tố tụng sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt không rõ lý do, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

* Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T có mặt và trình bày thống nhất như lời trình bày của vợ là bà C.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P.

- Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 22/5/2023, bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông bà được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Trần Văn T thay đổi yêu cầu kháng cáo xin được trả vốn 25.000.000 đồng, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 và khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị C nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà C.

[2.2] Bà C, ông T và anh P thống nhất số tiền 50.000.000 đồng thể hiện tại biên nhận nợ ngày 20/6/2022 âm lịch là tổng nợ vốn và lãi của các khoản vay trước đó nhưng không thống nhất số nợ vốn.

Xét thấy mặc dù hai bên không thống nhất số tiền vay trước khi làm biên nhận 50.000.000 đồng, tuy nhiên việc tính lại vốn và lãi theo quy định pháp luật từ ngày bà C và ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đã vượt quá số tiền 50.000.000 đồng. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thừa nhận đã ngưng trả lãi cho anh P 05 năm, việc anh P không yêu cầu bà C và ông T tiếp tục trả lãi đối với số tiền 50.000.000 đồng là đã có lợi cho bà C và ông T.

Ông T, bà C thừa nhận có nợ anh P và đồng ý trả 50.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 20/6/2022 âm lịch cho anh P nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T và bà C trả cho anh P 50.000.000 đồng là có căn cứ.

Ông T kháng cáo xin được trả vốn 25.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, anh P cũng không thừa nhận số tiền vốn này và không chấp nhận đề nghị của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

[3] Về án phí: Ông T, bà C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử quyết định miễn

án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông T, bà C. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 và khoản 5 Điều 308, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang về án phí.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy P.

- Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Duy P số tiền vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn T.

Anh Nguyễn Duy P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008425 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong